

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 -11-2024
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐT.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 580/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh ĐT.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường A**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp M, xã Mỹ Xương, huyện C, tỉnh ĐT.

(Chị L, anh A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị **Trần Thị Trúc L** là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh A qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Xương, huyện C, tỉnh ĐT vào ngày 05/12/2017.

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Sau này, anh A không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo, nuôi dưỡng các con. Vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị L đã tìm cách khuyên nhủ nhưng anh A không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung với nhau, lâu lâu thì anh A có về thăm con nhưng vợ chồng không thể nào hàn gắn tình cảm được nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Trúc L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 06/5/2019 và Nguyễn Trí Khang, sinh ngày 30/12/2022. Hiện các con đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Trường A là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh A thống nhất vợ chồng qua tìm hiểu và được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị L. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, anh A chơi đá gà, cờ bạc nhưng đã cố gắng bỏ để chăm lo cho gia đình. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh A vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 06/5/2019 và Nguyễn Trí Khang, sinh ngày 30/12/2022. Hiện các con đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung Nguyễn Trí Khang, sinh ngày 30/12/2022, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

Chị Trần Thị Trúc L cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- 01 CCCD Trần Thị Trúc L (photo);
- 01 Trích lục kết hôn (bản sao);
- 01 Trích lục khai sinh Nguyễn Thị Mỹ Tiên (bản sao);
- 01 Giấy khai sinh Nguyễn Trí Khang (bản sao).

Anh Nguyễn Trường A cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân Nguyễn Trường A (Bản photo).

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 08/11/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Trúc L có đơn yêu cầu được ly hôn, được quyền nuôi con chung với anh Nguyễn Trường A. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Trường A là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐT.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường A, anh A không đồng ý ly hôn với chị L.

Chị L và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xương, huyện C, tỉnh ĐT vào ngày 05 tháng 12 năm 2017, do đó hôn nhân giữa chị L và anh A là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh A không chăm lo cho vợ con, có tham gia đánh bạc, đá gà làm phát tán tài sản chung của gia đình. Chị L đã nhiều lần khuyên ngăn, tha thứ nhưng anh A vẫn không thay đổi. Bên cạnh đó, chị L và anh A đã không sống chung với nhau từ tháng 2/2024 đến nay.

Mặc dù anh A không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị L và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Trúc L.

Về con chung: Chị L và anh A có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 06/5/2019 và Nguyễn Trí Khang, sinh ngày 30/12/2022. Hiện các con đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung là Mỹ Tiên và Trí Khang; anh A yêu cầu được quyền nuôi con Trí Khang và cả chị L và anh A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét từ khi chị L, anh A sống xa nhau đến nay, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mỹ Tiên và Trí Khang. Anh A không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 06/5/2019 và Nguyễn Trí Khang, sinh ngày 30/12/2022 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Trường A.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trúc L.

Chị L được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 06/5/2019 và Nguyễn Trí Khang, sinh ngày 30/12/2022.

Anh Nguyễn Trường A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai số 0009058 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐT.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh